

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 – 3 – 2021

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 57, đường N, khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2021, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống như vợ chồng vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy không thể sống chung nên bà yêu cầu ly hôn ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/10/2011. Khi ly hôn, bà P đồng ý giao con chung cho ông C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị P sống chung năm 2008, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà P xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/10/2011. Khi ly hôn, ông C yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2008 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Bà P yêu cầu ly hôn với ông C. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Bà P và ông C chung sống như vợ chồng nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông, bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Ông, bà đều thống nhất không thể tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa bà P và ông C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/10/2011. Khi ly hôn, ông, bà thống nhất giao con chung cho ông C nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của ông bà phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông C thống nhất xác định tự thỏa thuận với nhau về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết. Quá trình chung sống ông bà không có nợ chung. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông, bà. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/10/2011 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị P có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và an Nguyễn Văn C không yêu cầu xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị P phải nộp. Ngày 19/01/2021 bà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000524 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu